

ỦY BAN DÂN TỘC
Số: 433/QĐ-UBDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 2.027 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / ~~57~~

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBĐT;
- Lưu: VT, CSĐT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



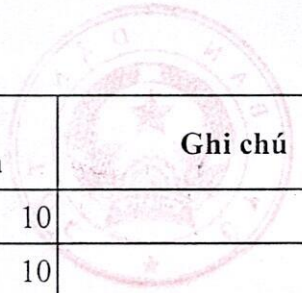
Hà A Lệnh



TỔNG HỢP THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
	Tổng cộng	2.027	
1	Vĩnh Phúc	0	
2	TP. Hà Nội	0	
3	Quảng Ninh	12	
4	Ninh Bình	0	
5	Hà Giang	81	
6	Cao Bằng	47	
7	Bắc Kạn	65	
8	Tuyên Quang	120	
9	Lào Cai	130	
10	Yên Bái	54	
11	Thái Nguyên	50	
12	Lạng Sơn	94	
13	Bắc Giang	66	
14	Phú Thọ	70	
15	Điện Biên	57	
16	Lai Châu	101	
17	Sơn La	104	
18	Hòa Bình	86	
19	Thanh Hóa	186	
20	Nghệ An	38	
21	Hà Tĩnh	2	
22	Quảng Bình	7	
23	Quảng Trị	16	
24	Thừa Thiên Huế	5	
25	TP Đà Nẵng	0	
26	Quảng Nam	19	
27	Quảng Ngãi	6	
28	Bình Định	7	
29	Phú Yên	10	



TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
30	Khánh Hòa	10	
31	Ninh Thuận	10	
32	Bình Thuận	10	
33	Kon Tum	41	
34	Gia Lai	203	
35	Đắk Lắk	84	
36	Đắk Nông	40	
37	Lâm Đồng	49	
38	Bình Dương	0	
39	Bình Phước	25	
40	Tây Ninh	0	
41	Đồng Nai	0	
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	
43	Trà Vinh	10	
44	Vĩnh Long	4	
45	An Giang	10	
46	Kiên Giang	10	
47	Cần Thơ	0	
48	Hậu Giang	0	
49	Sóc Trăng	45	
50	Bạc Liêu	0	
51	Cà Mau	43	
52	Hải Dương	0	
53	TP. Hải Phòng	0	



DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH TUYÊN QUANG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 120 thôn	
I	HUYỆN LÂM BÌNH	
1	Xã Thượng lâm	
	Thôn Bản Bó	
	Thôn Nà Lầu	
	Thôn Cốc Phát	
	Thôn Nà Ta	
2	Xã Khuôn Hà	
	Thôn Nà Ráo	
3	Xã Lăng Can	
	Thôn Đôn Bá	
	Thôn Khau Quang	
	Thôn Phai Tre A	
	Thôn Phai Tre B	
II	HUYỆN NÀ HANG	
1	Thị trấn Na Hang	
	Tổ dân phố Nà Mỏ	
2	Xã Năng Khả	
	Thôn Nà Chao	
	Thôn Bản Nhùng	
	Thôn Bản Nuầy	
	Thôn Phiêng Rào	
	Thôn Không Mây	
	Thôn Nà Chang	
	Thôn Lũng Giang	
	Thôn Nà Chác	
3	Xã Hồng Thái	
	Thôn Hồng Ba	
	Thôn Khuổi Phầy	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
4	Xã Côn Lôn	
	Thôn Nà Ngoãng	
	Thôn Trung Mường	
	Thôn Lũng Vải	
III	HUYỆN CHIÊM HÓA	
1	Xã Xuân Quang	
	Thôn Ngoan B	
2	Xã Kim Bình	
	Thôn Tông Bốc	
3	Xã Ngọc Hội	
	Thôn Bản Đang	
	Thôn Khun Cang	
	Thôn Bản Cải	
4	Xã Tân An	
	Thôn Tân Minh	
	Thôn Tân Hợp	
	Thôn Tân Cường	
	Thôn An Vượng	
5	Xã Nhân Lý	
	Thôn Gốc Chú	
	Thôn Ba 1	
	Thôn Chân	
	Thôn Khuân Nhất	
IV	HUYỆN HÀM YÊN	
1	Xã Minh Dân	
	Thôn Đồng Mới	
	Thôn Làng Vai	
	Thôn Ngòi Tèo	
	Thôn Thác Vàng	
	Thôn Kim Long	
2	Xã Yên Phú	
	Thôn 6 Minh Phú	
	Thôn 7 Minh Phú	
	Thôn 9 Minh Phú	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn 1 Yên Lập	
	Thôn 2 Yên Lập	
	Thôn 3 Yên Lập	
3	Xã Phù Lưu	
	Thôn Lăng Đán,	
	Thôn Bán Ban,	
	Thôn Pá Han,	
	Thôn Quang,	
	Thôn Khâu Linh,	
	Thôn Ban Nhàm,	
	Thôn Trò,	
	Thôn Cọ Nà Tâm,	
	Thôn Làng Chả,	
	Thôn Soi Thành,	
4	Xã Nhân Mục	
	Thôn Kai Con	
	Thôn Pù Bó	
5	Xã Bình Xa	
	Thôn Đèo Ảng	
6	Xã Đức Ninh	
	Thôn Ao Sen 2	
V	HUYỆN YÊN SƠN	
1	Xã Nhữ Khê	
	Thôn Cây Thị	
	Thôn Đồng Giản	
	Thôn Đồng Cả	
	Thôn Nhữ Khê	
2	Xã Quý Quân	
	Thôn 1	
	Thôn 2	
	Thôn 5	
3	Xã Trung Trực	
	Thôn Khuổi Léch	
	Thôn 2	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
4	Xã Chiêu Yên	
	Thôn Vàng Lè	
	Thôn Phai Đá	
	Thôn Cây Chanh	
5	Xã Tân Long	
	Thôn: 5	
	Thôn: 8	
	Thôn: 12	
	Thôn Cường đạt	
	Thôn: 16	
6	Xã Tân Tiến	
	Thôn 4	
7	Xã Xuân Vân	
	Thôn Đèo Mũng	
8	Xã Tiến Bộ	
	Thôn Đèo Trám	
	Thôn Ngòi Cái	
9	Xã Chân Sơn	
	Thôn Đồng Giản	
10	Xã Lang Quán	
	Thôn 20	
11	Xã Thắng Quân	
	Thôn Làng châu	
12	Xã Tứ Quận	
	Thôn Đồng trò	
	Thôn Cây nhãn	
	Thôn Khe Đàng	
	Thôn Đồng Bài	
13	Xã Phú Thịnh	
	Thôn Nghệt	
14	Xã Kim Quan	
	Thôn Làng Phát	
15	Xã Nhữ Hán	
	Thôn Đồng Rôm	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
16	Xã Phúc Ninh	
	Thôn An Lạc	
17	Xã Mỹ Bằng	
	Thôn Mỹ Hoa	
VI	HUYỆN SƠN DƯƠNG	
1	Xã Minh Thanh	
	Thôn Niềng	
	Thôn Toa	
	Thôn Lê	
	Thôn Dồn	
	Thôn Đồng Đon	
	Thôn Cả	
	Thôn Cây	
	Thôn Ngòi Trườn	
2	Xã Chi Thiết	
	Thôn Ninh Phú	
	Thôn Khán Cầu	
	Thôn Bình Yên	
3	Xã Đông Thọ	
	Thôn Làng Hào	
	Thôn Làng Mông	
	Thôn Tân An	
4	Xã Vân Sơn	
	Thôn An Mỹ	
5	Xã Kháng Nhật	
	Thôn Ba Khe	
	Thôn Lẹm	
6	Xã Văn Phú	
	Thôn Tân Thành	
7	Xã Phú Lương	
	Thôn Lão Nhiều	
8	Xã Tân Thanh	
	Thôn Nga Phụ	
	Thôn Cây Thị	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Bấu	
	Thôn Cầu Khoai	
	Thôn Cây Nhội	
	Thôn Lục Liêu	
VII	TP . TUYỀN QUANG	
1	Phường Nông Tiến	
<i>1</i>	Tổ 11	